CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 66 /2018/CV-JVC *(V/v: Công bố Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 và giải trình KQHĐSXKD)*	*Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2018*

Kính gửi: - **UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**
- Mã chứng khoán: **JVC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 22 và Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578
- Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thị Hà Thanh**
- Địa chỉ: Tầng 22 và Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0243 683 0516
- Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu : ☒ định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật xin báo cáo Quý Ủy ban và Quý Sở về việc công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2017 (giai đoạn 01/04/2017 – 31/03/2018) như sau:

1. Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

   Ngày ký báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2017: 21/06/2018

   Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 đã được Chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 22/06/2018 tại đường dẫn: http://ytevietnhat.com.vn/bao-cao-tai-chinh_t370c312tn.aspx

2. Giải trình chênh lệch số liệu tại Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước và sau kiểm toán Công ty mẹ, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu tài chính (Công ty mẹ)	Số liệu trước kiểm toán (đồng) (1)	Số liệu sau kiểm toán (đồng) (2)	Chênh lệch (đồng) (3) = (2) – (1)	Nguyên nhân
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	124.869.422.230	109.214.099.727	(15.655.322.503)	Lý do chủ yếu là do Kiểm toán viên phân loại lại 15,3 tỷ đồng từ chi phí bán hàng sang giá vốn hàng bán cho khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc vận hành, quản lý các hệ thống máy liên kết của Công ty tại các Bệnh viện.

2	Chi phí bán hàng	106.328.310.693	91.049.706.432	(15.278.604.261)	Lý do là Kiểm toán viên phân loại lại 15,3 tỷ đồng từ chi phí bán hàng sang giá vốn hàng bán cho khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc vận hành, quản lý các hệ thống máy liên kết của Công ty tại các Bệnh viện.
3	Chi phí khác	2.748.267.514	2.609.565.722	(138.701.792)	Lý do chủ yếu là do Kiểm toán viên đưa ra bút toán điều chỉnh giảm tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 do Công ty ghi nhận thừa vào chi phí trong kỳ.

3. Giải trình lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước (Công ty mẹ):

a. Giai đoạn từ 01/04/2017 đến 31/03/2018

- Tổng doanh thu: 537.128.610.449 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 15.288.248.628 đồng

b. Giai đoạn từ 01/04/2016 đến 31/03/2017

- Tổng doanh thu: 483.855.538.665 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: (32.333.499.793) đồng

Giải trình: Lãi sau thuế của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2018 tăng 47.621.748.421 đồng so với Lỗ sau thuế cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân: Lý do của việc tăng trưởng trên là do Công ty đã đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh, doanh thu năm 2017 tăng 53 tỷ đồng tương đương với 10% so với cùng kỳ năm ngoái. Bên cạnh đó, Công ty cũng không phát sinh thêm các khoản trích lập dự phòng lớn như năm 2016 nên kết quả kinh doanh được cải thiện rõ rệt.

4. Giải trình chênh lệch số liệu tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước và sau kiểm toán báo cáo tài chính bán niên hợp nhất. cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu tài chính (Báo cáo hợp nhất)	Số liệu trước kiểm toán (đồng) (1)	Số liệu sau kiểm toán (đồng) (2)	Chênh lệch (đồng) (3) = (2) – (1)	Nguyên nhân
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung	125.531.913.073	109.821.341.688	(15.710.571.385)	Lý do chủ yếu là do Kiểm toán viên phân loại lại 15,3 tỷ đồng từ chi phí bán hàng sang giá vốn hàng bán cho khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc vận hành, quản lý

	cấp dịch vụ				các hệ thống máy liên kết của Công ty tại các Bệnh viện.
2	Chi phí bán hàng	107.231.479.169	91.952.874.908	(15.278.604.261)	Lý do là Kiểm toán viên phân loại lại 15,3 tỷ đồng từ chi phí bán hàng sang giá vốn hàng bán cho khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc vận hành, quản lý các hệ thống máy liên kết của Công ty tại các Bệnh viện.
3	Chi phí khác	3.823.655.657	3.102.281.571	(721.374.086)	Lý do chủ yếu là do Kiểm toán viên phân loại lại chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước của Công ty con từ khoản mục Chi phí khác sang khoản mục Chi phí thuế TNDN hiện hành.
4	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	582.672.294	582.672.294	Lý do là Kiểm toán viên phân loại lại chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước của Công ty con từ khoản mục Chi phí

					khác sang khoản mục Chi phí thuế TNDN hiện hành.

5. Giải trình lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước (Hợp nhất):

c. Giai đoạn từ 01/04/2017 đến 31/03/2018

- Tổng doanh thu: 545.500.057.158 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 10.516.010.563 đồng

d. Giai đoạn từ 01/04/2016 đến 31/03/2017

- Tổng doanh thu: 500.954.220.695 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: (39.457.111.201) đồng

Giải trình: Lãi sau thuế (hợp nhất) của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2018 tăng 49.973.121.864 đồng so với số Lỗ cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân: Lý do của việc tăng trưởng trên là do Công ty đã đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh, doanh thu hợp nhất năm 2017 tăng 44,5 tỷ đồng tương đương với 8,17% so với cùng kỳ năm ngoái. Bên cạnh đó, Công ty cũng không phát sinh thêm các khoản trích lập dự phòng lớn như năm 2016 nên kết quả kinh doanh được cải thiện rõ rệt.

Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên.
- Lưu VP.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

M.S.D.N: 0101178800 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT - Q. ĐỐNG ĐA - TP HÀ NỘI

LÊ THỊ HÀ THANH

CÔNG TY CỔ PHẦN **THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: *65 -2018/CV-JVC* *V/v Giải trình kết luận BCTC kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018 đã được kiểm toán*	***Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2018***

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật xin gửi tới quý Cơ quan lời chào trân trọng!

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (Công ty) xin được giải trình một số ý kiến kiểm toán liên quan đến Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018 đã được kiểm toán như sau:

1/ Trong Báo cáo tài chính riêng số: 016/VN1A-HN-BC ngày 13 tháng 06 năm 2018, Công ty kiểm toán đã đưa ra kết luận ngoại trừ đối với một số vấn đề sau:

"Như trình bày tại Thuyết minh số 06 và Thuyết minh số 08 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, trên khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm số tiền khoảng 260 tỷ đồng và khoản mục phải thu ngắn hạn khác bao gồm số tiền khoảng 17,3 tỷ đồng tồn đọng lâu ngày (các số dư này không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016) là số dư phải thu và tạm ứng cho các đối tượng công nợ mà Công ty không thu thập được xác nhận công nợ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi toàn bộ các khoản phải thu và tạm ứng mà Công ty không thu thập được thư xác nhận nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2018. Chúng tôi không thể thực hiện được đầy đủ các thủ tục kiểm toán để đánh giá tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu khách hàng và tạm ứng nói trên cũng như giá trị dự phòng tương ứng đã trích lập lần lượt khoảng 260 tỷ đồng và 17,3 tỷ đồng. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không."

Nguyên nhân dẫn đến kết luận ngoại trừ: Do kiểm toán viên không nhận được thư xác nhận công nợ tại ngày 31/03/2018 cho các khoản công nợ này.

Giải trình của công ty: Đây là khoản phải thu phát sinh từ những năm tài chính trước trong đó bao gồm 175,8 tỷ đồng là công nợ phải thu của những công ty liên quan đến Ban Giám đốc tiền nhiệm và là số dư tạm ứng cho CBCNV Công ty phát sinh trong giai đoạn Ban Giám đốc tiền nhiệm điều hành. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2017, Công ty chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận công nợ của các khách hàng và thư xác nhận số dư cho những khoản tạm ứng này.

2/ Trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán số: 017/VN1A-HN-BC ngày 13 tháng 06 năm 2018, Công ty kiểm toán độc lập đã đưa ra kết luận ngoại trừ đối với một số vấn đề sau:

"Như trình bày tại Thuyết minh số 05, Thuyết minh số 06 và Thuyết minh số 07 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, trên khoản mục phải thu ngắn hạn của khách

hàng bao gồm số tiền khoảng 338,1 tỷ đồng, khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm số tiền khoảng 14,9 tỷ đồng và khoản mục phải thu ngắn hạn khác bao gồm số tiền khoảng 20,3 tỷ đồng (các số dư này không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016) là khoản phải thu, trả trước và tạm ứng cho các đối tượng công nợ mà Công ty không thu thập được xác nhận công nợ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi toàn bộ các khoản phải thu, trả trước và tạm ứng mà Công ty không thu thập được thư xác nhận nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2018. Chúng tôi không thể thực hiện được đầy đủ các thủ tục kiểm toán để đánh giá tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng với số tiền khoảng 338,1 tỷ đồng, trả trước cho người bán ngắn hạn với số tiền khoảng 14,9 tỷ đồng, tạm ứng với số tiền khoảng 20,3 tỷ đồng và giá trị dự phòng tương ứng đã trích lập. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không."

Nguyên nhân dẫn đến kết luận ngoại trừ: Do kiểm toán viên không nhận được thư xác nhận công nợ tại ngày 31/3/2018 cho các khoản công nợ này.

Giải trình của công ty: Đây là khoản phải thu, trả trước cho người bán phát sinh từ những năm tài chính trước trong đó bao gồm 256 tỷ đồng là công nợ phải thu của những công ty liên quan đến Ban Giám đốc tiền nhiệm và là số dư tạm ứng cho CBCNV Công ty phát sinh trong giai đoạn Ban Giám đốc tiền nhiệm điều hành. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2017, Công ty chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận công nợ của các khách hàng và thư xác nhận số dư cho những khoản tạm ứng này.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên.
- Lưu VP.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

M.S.D.N: 0101178800 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Lê Thị Hà Thanh

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, P. Láng Hạ,
Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 6288 3568
Fax :+84 24 6288 5678
Website: www.deloitte.com/vn

Số: 18 /VN1A-HN-CV

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2018

Kính gửi: **Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

Về việc: *Xác nhận giải trình của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật về các vấn đề dẫn tới ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên trên các Báo cáo kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018.*

Thưa các Quý Ông,

Phúc đáp Công văn số 58/CV-JVC ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Quý Công ty về việc giải trình các vấn đề dẫn tới ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên trong các Báo cáo kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018, chúng tôi xác nhận ý kiến giải trình tại Công văn này của Quý Công ty là phù hợp với các giải trình Quý Công ty đã cung cấp cho kiểm toán viên trong quá trình kiểm toán, các vấn đề này đã được trình bày tại các Báo cáo kiểm toán độc lập số 016/VN1A-HN-BC ngày 21 tháng 6 năm 2018 về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 và Báo cáo kiểm toán độc lập số 017/VN1A-HN-BC ngày 21 tháng 6 năm 2018 về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật.

Trân trọng,

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100112500 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Đặng Chí Dũng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu Văn thư.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Quang Huy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Hướng	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên
Bà Lê Thị Hà Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Ngô Thanh Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Thúy Hằng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh
Bà Phạm Huyền Khanh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2017, miễn nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2018)
Bà Vương Vân Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Ngô Thanh Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 6 năm 2018

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, P. Láng Hạ,
Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 6288 3568
Fax :+84 24 6288 5678
Website: www.deloitte.com/vn

Số: 017 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 6 năm 2018, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.

Deloitte.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 05, Thuyết minh số 06 và Thuyết minh số 07 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, trên khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm số tiền khoảng 338,1 tỷ đồng, khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm số tiền khoảng 14,9 tỷ đồng và khoản mục phải thu ngắn hạn khác bao gồm số tiền khoảng 20,3 tỷ đồng (các số dư này không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016) là khoản phải thu, trả trước và tạm ứng cho các đối tượng công nợ mà Công ty không thu thập được xác nhận công nợ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi toàn bộ các khoản phải thu, trả trước và tạm ứng mà Công ty không thu thập được thư xác nhận nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2018. Chúng tôi không thể thực hiện được đầy đủ các thủ tục kiểm toán để đánh giá tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng với số tiền khoảng 338,1 tỷ đồng, trả trước cho người bán ngắn hạn với số tiền khoảng 14,9 tỷ đồng, tạm ứng với số tiền khoảng 20,3 tỷ đồng và giá trị dự phòng tương ứng đã trích lập. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0910-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 6 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**238.718.765.940**	**262.978.101.787**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**39.849.946.488**	**30.305.649.679**
1. Tiền	111		18.849.946.488	30.305.649.679
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**129.059.838.091**	**152.844.635.351**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	483.882.090.105	497.469.095.601
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	305.876.415.224	309.258.848.071
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		999.242.500	999.242.500
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	523.702.602.185	526.481.520.032
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.185.400.511.923)	(1.181.724.347.973)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	360.277.120
III. Hàng tồn kho	**140**	**9**	**66.692.152.694**	**77.196.315.885**
1. Hàng tồn kho	141		108.479.453.385	122.965.539.209
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(41.787.300.691)	(45.769.223.324)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**3.116.828.667**	**2.631.500.872**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.780.904.932	1.606.654.815
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		125.012.192	413.260.887
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	210.911.543	611.585.170

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**426.219.190.337**	**461.854.291.731**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**7.511.922.004**	**8.574.894.483**
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	7.511.922.004	8.574.894.483
II. Tài sản cố định	**220**		**393.891.069.378**	**437.104.345.150**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	339.826.051.841	376.207.196.220
- Nguyên giá	*222*		*760.481.698.756*	*768.634.884.409*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(420.655.646.915)*	*(392.427.688.189)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	53.769.772.443	60.843.580.682
- Nguyên giá	*225*		*76.611.929.888*	*76.611.929.888*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		*(22.842.157.445)*	*(15.768.349.206)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	295.245.094	53.568.248
- Nguyên giá	*228*		*453.000.480*	*141.680.480*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(157.755.386)*	*(88.112.232)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**15**	**2.553.884.000**	**2.176.781.935**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.553.884.000	2.176.781.935
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**-**	**-**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16	750.000.000	750.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	110.750.000.000	110.750.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(111.500.000.000)	(111.500.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**22.262.314.955**	**13.998.270.163**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	22.184.968.132	13.998.270.163
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		77.346.823	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**664.937.956.277**	**724.832.393.518**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**137.458.980.085**	**207.869.427.889**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**101.966.331.369**	**162.932.545.863**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	67.836.752.683	112.177.941.215
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.081.681.624	9.231.867.014
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	657.037.729	566.436.616
4. Phải trả người lao động	314		188.166.240	3.277.987.236
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	13.591.324.751	19.864.939.332
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	1.598.886.374	4.196.092.482
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	13.012.481.968	13.617.281.968
II. Nợ dài hạn	**330**		**35.492.648.716**	**44.936.882.026**
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	27.610.636.745	22.454.252.812
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	7.882.011.971	22.104.093.939
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	-	378.535.275
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**527.478.976.192**	**516.962.965.629**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**24**	**527.478.976.192**	**516.962.965.629**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*1.125.001.710.000*	*1.125.001.710.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		402.288.328.850	402.288.328.850
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.211.235.252	19.211.235.252
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.019.022.297.910)	(1.029.538.308.473)
- (Lỗ) sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(1.029.538.308.473)*	*(990.081.197.272)*
- Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*10.516.010.563*	*(39.457.111.201)*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**664.937.956.277**	**724.832.393.518**

Đào Thị Hoa	Lê Thị Hà Thanh	Ngô Thanh Sơn
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 21 tháng 6 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**25**	**545.500.057.158**	**500.954.220.695**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	3.483.017.730	1.521.963.084
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	**25**	**542.017.039.428**	**499.432.257.611**
4. Giá vốn hàng bán	11	26	432.195.697.740	405.451.053.956
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**109.821.341.688**	**93.981.203.655**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	790.069.009	461.188.040
7. Chi phí tài chính	22	28	3.978.852.759	7.053.390.009
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*3.049.429.388*	*4.598.717.428*
8. Chi phí bán hàng	25	31	91.952.874.908	49.303.450.965
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	32.856.704.087	79.185.420.794
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	**30**		**(18.177.021.057)**	**(41.099.870.073)**
11. Thu nhập khác	31	29	31.942.489.047	14.710.265.372
12. Chi phí khác	32	30	3.102.281.571	11.020.152.346
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**28.840.207.476**	**3.690.113.026**
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**10.663.186.419**	**(37.409.757.047)**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	582.672.294	2.267.700.166
16. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(435.496.438)	(220.346.012)
17. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**10.516.010.563**	**(39.457.111.201)**
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	34	93	(351)

Đào Thị Hoa	**Lê Thị Hà Thanh**	**Ngô Thanh Sơn**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 21 tháng 6 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	***01***	***10.663.186.419***	***(37.409.757.047)***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	69.397.309.386	69.664.528.707
Các khoản dự phòng	03	(305.758.683)	30.847.081.453
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	773.491.605	1.651.305.591
Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	321.201.801	8.930.764.910
Chi phí lãi vay	06	3.049.429.388	4.598.717.428
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***83.898.859.916***	***78.282.641.042***
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	22.062.277.468	(36.210.491.628)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	14.486.085.824	108.869.192.417
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(55.586.897.518)	(31.325.366.424)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(9.360.948.086)	(4.921.661.147)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.148.667.987)	(4.762.819.648)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(943.393.728)	(33.805.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***51.407.315.889***	***76.126.494.612***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(27.770.302.180)	(42.586.612.840)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	293.847.500	3.044.155.823
3. Tiền thu từ đầu tư vào các khoản tiền gửi tại ngân hàng	24	-	752.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	440.317.568	171.144.585
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(27.036.137.112)***	***(38.619.312.432)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	29.838.092.950	2.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(32.652.492.950)	(6.376.800.000)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(12.012.481.968)	(12.012.481.968)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(14.826.881.968)***	***(15.889.281.968)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**9.544.296.809**	**21.617.900.212**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**30.305.649.679**	**8.687.749.467**
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**39.849.946.488**	**30.305.649.679**

Đào Thị Hoa	**Lê Thị Hà Thanh**	**Ngô Thanh Sơn**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 21 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 27 tháng 9 năm 2010 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ ngày 31 tháng 3 năm 2018 là 189 người (ngày 31 tháng 3 năm 2017: 237 người).

Ngành nghề và hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động trong ngành y.

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Cho thuê máy móc, thiết bị y tế;
- Kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Hà Nội	100	100	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	25	25	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán và trình bày lại.

Tại ngày 29 tháng 3 năm 2017, Ban Giám đốc Công ty đã có biên bản họp đánh giá khả năng thu hồi và phương án trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với một số khoản công nợ tồn đọng, do sai sót kế toán nên báo cáo tài chính hợp nhất cùng năm chưa được điều chỉnh theo kết luận của biên bản họp này. Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố chi phí dự phòng phải thu khó đòi số tiền 7.762.932.000 VND vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu báo cáo tài chính hợp nhất năm nay, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh hồi tố	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
1. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(1.173.961.415.973)	(7.762.932.000)	(1.181.724.347.973)
2. (Lỗ) sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	(31.694.179.201)	(7.762.932.000)	(39.457.111.201)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh hồi tố	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
1. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	71.422.488.794	7.762.932.000	79.185.420.794
2. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(31.694.179.201)	(7.762.932.000)	(39.457.111.201)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh hồi tố	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
1. (Lỗ) trước thuế	01	(29.646.825.047)	(7.762.932.000)	(37.409.757.047)
2. Các khoản dự phòng	03	23.084.149.453	7.762.932.000	30.847.081.453

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 3 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Năm nay
	(Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 10
Máy móc và thiết bị	6 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

	Năm nay
	(Số năm)
Máy móc và thiết bị	6 - 12

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 03 năm đến 05 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa, cải tạo phòng khám và linh phụ kiện thay thế máy và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hoạt động khai thác thiết bị y tế từ các hợp đồng liên kết với các bệnh viện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở lợi nhuận thực tế sử dụng của thiết bị y tế liên quan được tính toán trên biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty và các bệnh viện. Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng liên kết này được ghi nhận trên cơ sở thuần (được tính bằng tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận trước thuế của hoạt động liên kết mà Công ty được hưởng).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	3.715.628.670	14.178.114.170
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.134.317.818	16.127.535.509
Các khoản tương đương tiền (i)	21.000.000.000	-
	39.849.946.488	**30.305.649.679**

(i) Thể hiện giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Hội sở chính.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	107.340.812.353	107.340.812.353
- Công ty Cổ phần Đầu tư A1	97.904.625.613	97.904.625.613
- Khách hàng khác	278.636.652.139	292.223.657.635
	483.882.090.105	**497.469.095.601**

Số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 bao gồm khoảng 338,1 tỷ đồng (số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016) là khoản phải thu của các đối tượng công nợ mà Công ty không thu thập được xác nhận công nợ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu mà Công ty không thu thập được thư xác nhận nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2018.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	190.230.906.514
- Nishimura Medical Instrument	29.872.783.121	29.872.783.121
- Công ty TNHH Công trình và trang thiết bị Y tế	36.635.000.000	36.635.000.000
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21.080.000.000	21.080.000.000
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	28.057.725.589	31.440.158.436
Cộng	**305.876.415.224**	**309.258.848.071**

Số dư trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 bao gồm khoảng 14,9 tỷ đồng (số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016) là khoản ứng trước của các đối tượng công nợ mà Công ty không thu thập được xác nhận công nợ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản trả trước mà Công ty không thu thập được thư xác nhận nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2018.

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	**523.702.602.185**	**526.481.520.032**
- Tiền ứng trước, bảo lãnh và thanh toán hộ (i)	403.295.265.000	403.295.265.000
- Phải thu cơ quan chức năng liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	2.261.219.600	2.261.219.600
- Phải thu nhân viên liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	7.256.442.952	7.256.442.952
- Tạm ứng cho nhân viên (ii)	104.147.235.098	102.376.173.954
- Ký quỹ ngắn hạn	2.057.595.618	7.194.135.859
- Vốn liên kết với các bệnh viện	1.033.593.750	1.033.593.750
- Phải thu khác	3.651.250.167	3.064.688.917
b. Dài hạn	**7.511.922.004**	**8.574.894.483**
- Ký quỹ dài hạn	4.350.467.136	3.888.877.274
- Vốn liên kết với các bệnh viện	3.161.454.868	4.686.017.209
Tổng cộng	**531.214.524.189**	**535.056.414.515**

(i) Đây là khoản tiền Công ty ứng trước, bảo lãnh, thanh toán hộ liên quan đến các nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm.

(ii) Số dư các khoản tạm ứng tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 bao gồm khoảng 20,3 tỷ đồng tồn đọng lâu ngày (số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016) là các khoản tạm ứng Công ty không thu thập được xác nhận công nợ đối với các nhân viên này. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản tạm ứng mà Công ty không thu thập được thư xác nhận nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2018.

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm (Trình bày lại)		
	VND	VND		VND	VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phải thu ngắn hạn khách hàng	**387.327.928.039**	**9.963.951.784**		**403.817.212.690**	**30.289.229.584**	
Công ty Cổ phần đầu tư A1	97.904.625.613	-	Trên 3 năm	97.904.625.613	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	107.340.812.353	-	Trên 3 năm	107.340.812.353	-	Từ 2-3 năm
Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật HB	33.792.574.163	-	Trên 3 năm	33.792.574.163	-	Từ 2-3 năm
Công ty Cổ phần thiết bị y tế Triết Tôn Tiên	28.031.022.362	-	Không xác định	28.031.022.362	-	Không xác định
Công ty TNHH một thành viên 16A	26.948.625.601	-	Không xác định	26.948.625.601	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	10.797.500.000	-	Trên 3 năm	10.797.500.000	-	Từ 2-3 năm
Các đối tượng khác	82.512.767.947	9.963.951.784	Từ 6 tháng-trên 3 năm	99.002.052.598	30.289.229.584	Từ 6 tháng-trên 3 năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**299.028.576.765**	**-**		**299.011.762.795**	**30.800.003**	
JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	-	Không xác định	190.230.906.514	-	Không xác định
Nishimura Medical Instrument	29.872.783.121	-	Không xác định	29.872.783.121	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	36.635.000.000	-	Không xác định	36.635.000.000	-	Không xác định
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21.080.000.000	-	Không xác định	21.080.000.000	-	Không xác định
Gold Lite PTE. Ltd	14.851.200.000	-	Không xác định	14.851.200.000	-	Không xác định
Các đối tượng khác	6.358.687.130	-	Không xác định	6.341.873.160	30.800.003	Không xác định
Phải thu ngắn hạn khác	**510.606.490.838**	**2.298.001.685**		**512.210.463.908**	**3.494.683.083**	
Công ty Cổ phần thiết bị y tế Triết Tôn Tiên	315.360.806.472		Không xác định	315.360.806.472	-	Không xác định
Công ty TNHH Thương Mại Hướng Đông	87.934.458.528		Không xác định	87.934.458.528	-	Không xác định
Tạm ứng cho nhân viên và nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm	97.169.543.850	36.347.085	Không xác định	98.113.088.720	33.950.724	Không xác định
Phải thu liên quan đến chênh lệch tiền mặt chờ xử lý	9.517.662.552	2.261.219.600	Không xác định	9.517.662.552	2.261.219.600	Không xác định
Các đối tượng khác	624.019.436	435.000	Không xác định	1.284.447.636	1.199.512.759	Không xác định
Phải thu về cho vay ngắn hạn	**999.242.500**	**299.772.750**		**999.242.500**	**499.621.250**	
Bệnh viện Đa khoa Huyện Lâm Thao	999.242.500	299.772.750	Từ 2-3 năm	999.242.500	499.621.250	Từ 1-2 năm
	1.197.962.238.142	**12.561.726.219**		**1.216.038.681.893**	**34.314.333.920**	

Ban Giám đốc Công ty không xác định thời gian quá hạn đối với các khoản công nợ trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác.

Ban Giám đốc Công ty trích lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khó đòi dựa trên những đánh giá về tình hình tài chính thực tế và khả năng thu hồi nợ từ các đối tượng nợ.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	5.100.324.992	-	8.878.740.430	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	27.204.140	(24.021.840)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	212.028.233	(212.028.233)
Thành phẩm	-	-	321.086.347	(321.086.347)
Hàng hoá	96.406.970.651	(41.787.300.691)	107.485.802.271	(45.212.086.904)
Hàng gửi bán	6.972.157.742	-	6.040.677.788	-
Cộng	**108.479.453.385**	**(41.787.300.691)**	**122.965.539.209**	**(45.769.223.324)**

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 323.682.313 đồng do Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của các hàng hóa này thấp hơn so với giá ghi sổ (năm trước: 21.049.215.652 đồng). Đồng thời, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 4.305.604.946 đồng do Công ty đã bán hoặc xử lý được các hàng hóa đã trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 (năm trước: 45.975.361.500 đồng).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	**2.780.904.932**	**1.606.654.815**
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.398.248.334	320.084.180
- Các khoản khác	382.656.598	1.286.570.635
b. Dài hạn	**22.184.968.132**	**13.998.270.163**
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.636.320.851	2.809.520.286
- Chi phí sửa chữa, bảo hành thiết bị, làm phòng cho tài sản liên kết, đặt máy	14.661.689.154	10.193.040.282
- Cải tạo, sửa chữa văn phòng	4.602.720.333	-
- Các khoản khác	284.237.794	995.709.595
Cộng	**24.965.873.064**	**15.604.924.978**

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	**974.236.364**	**743.916.302.155**	**22.746.437.706**	**997.908.184**	**768.634.884.409**
Mua sắm	-	45.454.545	-	233.518.182	278.972.727
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	21.244.056.263	5.558.851.125	-	26.802.907.388
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(974.236.364)	(28.293.500.079)	(1.482.479.727)	(690.009.710)	(31.440.225.880)
Tặng theo hợp đồng liên kết	-	(3.794.839.888)	-	-	(3.794.839.888)
Số dư cuối năm	**-**	**733.117.472.996**	**26.822.809.104**	**541.416.656**	**760.481.698.756**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	**676.980.199**	**375.346.069.232**	**15.718.327.995**	**686.310.763**	**392.427.688.189**
Khấu hao trong năm	92.270.863	60.435.662.454	1.700.495.218	173.265.497	62.401.694.032
Thanh lý nhượng bán trong năm	(769.251.062)	(27.506.114.889)	(1.325.555.228)	(666.634.168)	(30.267.555.347)
Tặng theo hợp đồng liên kết	-	(3.758.343.920)	-	-	(3.758.343.920)
Giảm khác	-	(147.836.039)	-	-	(147.836.039)
Số dư cuối năm	**-**	**404.369.436.838**	**16.093.267.985**	**192.942.092**	**420.655.646.915**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	**297.256.165**	**368.570.232.923**	**7.028.109.711**	**311.597.421**	**376.207.196.220**
Tại ngày cuối năm	**-**	**328.748.036.158**	**10.729.541.119**	**348.474.564**	**339.826.051.841**

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Công ty đã thế chấp máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 là 50.543.303.264 đồng (ngày 31 tháng 3 năm 2017: 37.177.007.353 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 176.752.882.531 đồng (ngày 31 tháng 3 năm 2017: 196.152.454.916 đồng).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	**76.611.929.888**
Số dư cuối năm	**76.611.929.888**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	**15.768.349.206**
Khấu hao trong năm	6.925.972.200
Tăng khác	147.836.039
Số dư cuối năm	**22.842.157.445**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	**60.843.580.682**
Số dư cuối năm	**53.769.772.443**

Theo Hợp đồng thuê tài sản số 168.14.05/CTTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 ký với Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, hợp đồng thuê tài sản số C1407068H2 ngày 28 tháng 7 năm 2014 và Hợp đồng số C140707802 ngày 05 tháng 8 năm 2014 ký với Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Chailease, Công ty được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	**141.680.480**
Mua sắm	311.320.000
Số dư cuối năm	**453.000.480**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	**88.112.232**
Khấu hao trong năm	69.643.154
Số dư cuối năm	**157.755.386**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	**53.568.248**
Số dư cuối năm	**295.245.094**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải thu/phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	59.915.408	59.915.408
Thuế thu nhập doanh nghiệp	103.046.410	-	47.949.725	150.996.135
Thuế thu nhập cá nhân	508.538.760	508.538.760	-	-
Cộng	**611.585.170**	**508.538.760**	**107.865.133**	**210.911.543**
a. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	250.506.569	11.776.462.678	11.948.244.159	78.725.088
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.111.001.329	1.111.001.329	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	312.771.709	582.672.294	895.444.003	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.158.338	6.733.262.096	6.158.107.793	578.312.641
Thuế khác	-	1.066.040.721	1.066.040.721	-
Cộng	**566.436.616**	**21.269.439.118**	**21.178.838.005**	**657.037.729**
Trong đó:				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	*611.585.170*			*210.911.543*
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	*566.436.616*			*657.037.729*

15. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm, sửa chữa (i)	2.553.884.000	2.176.781.935

(i) Chủ yếu bao gồm máy móc, thiết bị đang trong quá trình sửa chữa, lắp đặt để hình thành tài sản cố định

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	750.000.000	750.000.000
	750.000.000	**750.000.000**

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
		%	%	
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	25	25	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín, do đó, giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này được trình bày theo giá gốc.

17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế (i)	110.750.000.000	110.750.000.000
	110.750.000.000	**110.750.000.000**

(i) Đây là khoản đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế cùng với Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên tại hai bệnh viện ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

18. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	378.535.275
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	**-**	**378.535.275**

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Hitachi Medical Instrument Co., Ltd.	19.894.819.894	19.894.819.894	58.108.098.696	58.108.098.696
- Công ty TNHH Fujifilm Việt Nam	32.185.758.591	32.185.758.591	49.454.584.148	49.454.584.148
- Phải trả cho các đối tượng khác	15.756.174.198	15.756.174.198	4.615.258.371	4.615.258.371
Cộng	**67.836.752.683**	**67.836.752.683**	**112.177.941.215**	**112.177.941.215**

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Trích trước chi phí tư vấn chuyên môn	7.661.717.527	13.923.541.161
- Trích trước hoa hồng kinh doanh	3.087.489.295	3.707.682.467
- Trích trước lợi nhuận cổ đông	1.707.903.047	-
- Trích trước chi phí bảo trì, bảo hành	512.914.077	866.707.794
- Trích trước tiền thuê văn phòng	-	532.964.651
- Trích trước chi phí lãi vay	143.708.700	242.947.299
- Các khoản trích trước khác	477.592.105	591.095.960
Cộng	**13.591.324.751**	**19.864.939.332**

Công ty ước tính chi phí tư vấn chuyên môn, hoa hồng kinh doanh, lợi nhuận cổ đông, hoa hồng bán máy móc thiết bị và các chi phí ước tính khác trên cơ sở thỏa thuận đã ký với các đối tác. Ban Giám đốc Công ty đã ước tính đầy đủ nghĩa vụ phải trả cho các đối tác và khẳng định rằng chi phí phải trả thực tế sẽ không chênh lệch trọng yếu với chi phí đã ước tính và ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất.

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	1.347.367.445
- Kinh phí công đoàn	515.600.497	437.603.339
- Bảo hiểm xã hội	287.588.615	-
- Bảo hiểm y tế	54.095.035	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	23.879.570	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	717.722.657	2.411.121.698
Cộng	**1.598.886.374**	**4.196.092.482**
b. Dài hạn		
- Phải trả khác liên quan tới vốn liên kết đã nhận (i)	27.610.636.745	22.454.252.812
Cộng	**27.610.636.745**	**22.454.252.812**

(i) Phản ánh khoản tiền vốn nhận của các cá nhân để mua máy móc liên quan đến dự án liên kết.

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm VND		Trong năm VND		Số cuối năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	29.838.092.950	29.838.092.950	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	-	-	*29.838.092.950*	*29.838.092.950*	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23)	1.604.800.000	1.604.800.000	1.000.000.000	1.604.800.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	*1.000.000.000*	*1.000.000.000*	*1.000.000.000*	*1.000.000.000*	*1.000.000.000*	*1.000.000.000*
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Gia Định	*604.800.000*	*604.800.000*	-	*604.800.000*	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23)	12.012.481.968	12.012.481.968	12.012.481.968	12.012.481.968	12.012.481.968	12.012.481.968
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	*4.882.048.596*	*4.882.048.596*	*4.882.048.596*	*4.882.048.596*	*4.882.048.596*	*4.882.048.596*
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	*7.130.433.372*	*7.130.433.372*	*7.130.433.372*	*7.130.433.372*	*7.130.433.372*	*7.130.433.372*
Tổng	**13.617.281.968**	**13.617.281.968**	**42.850.574.918**	**43.455.374.918**	**13.012.481.968**	**13.012.481.968**

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	4.314.400.000	4.314.400.000	-	2.814.400.000	1.500.000.000	1.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	*2.500.000.000*	*2.500.000.000*	-	*1.000.000.000*	*1.500.000.000*	*1.500.000.000*
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Gia Định	*1.814.400.000*	*1.814.400.000*	-	*1.814.400.000*	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	31.406.975.907	31.406.975.907	-	12.012.481.968	19.394.493.939	19.394.493.939
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease (ii)	*11.798.284.113*	*11.798.284.113*	-	*4.882.048.596*	*6.916.235.517*	*6.916.235.517*
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	*19.608.691.794*	*19.608.691.794*	-	*7.130.433.372*	*12.478.258.422*	*12.478.258.422*
Tổng cộng	**35.721.375.907**	**35.721.375.907**	**-**	**14.826.881.968**	**20.894.493.939**	**20.894.493.939**
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	*13.617.281.968*					*13.012.481.968*
- Số phải trả sau 12 tháng	*22.104.093.939*					*7.882.011.971*

(i) Ngày 22 tháng 7 năm 2014, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với số tiền 4.500.000.000 đồng. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 15 tháng 4 năm 2015 đến ngày 15 tháng 7 năm 2019. Khoản vay chịu lãi suất cho vay điều chỉnh 03 tháng/lần bằng chi phí giá vốn tương ứng với kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng do Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2%/năm và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng hệ thống chụp cộng hưởng từ hiệu Hitachi, model: Airis Vento và quyền nhận tiền bảo hiểm theo các Hợp đồng bảo hiểm liên quan đến các thiết bị này để thế chấp cho khoản vay này.

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease được thanh toán trong vòng 60 tháng và chịu lãi suất thả nổi được tính theo lãi suất cơ sở của các công ty cho thuê tài chính này cộng (+) biên độ 2,4% - 5%/năm. Nợ gốc và lãi được trả định kỳ hàng tháng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.000.000.000	1.604.800.000
Trong năm thứ hai	500.000.000	1.604.800.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	1.104.800.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	1.000.000.000	1.604.800.000
Số phải trả sau 12 tháng	**500.000.000**	**2.709.600.000**

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính				
Trong vòng một năm	13.327.023.769	13.393.917.394	12.012.481.968	12.012.481.968
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.591.825.828	21.624.860.742	7.382.011.971	19.394.493.939
Trừ: các khoản phí tài chính trong tương lai	1.524.355.658	3.611.802.229		
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	**19.394.493.939**	**31.406.975.907**	**19.394.493.939**	**31.406.975.907**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			12.012.481.968	12.012.481.968
Số phải trả sau 12 tháng			**7.382.011.971**	**19.394.493.939**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ lũy kế)	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**1.125.001.710.000**	**402.288.328.850**	**19.211.235.252**	**(990.081.197.272)**	**556.420.076.830**
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(39.457.111.201)	(39.457.111.201)
Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)	**1.125.001.710.000**	**402.288.328.850**	**19.211.235.252**	**(1.029.538.308.473)**	**516.962.965.629**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.516.010.563	10.516.010.563
Số dư cuối năm nay	**1.125.001.710.000**	**402.288.328.850**	**19.211.235.252**	**(1.019.022.297.910)**	**527.478.976.192**

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 15, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 1.125.001.710.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

25. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**545.500.057.158**	**500.954.220.695**
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	386.050.824.646	340.200.156.410
- Doanh thu được chia từ các dự án liên kết	121.413.415.751	139.883.472.287
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.035.816.761	20.870.591.998
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 36)	121.705.000	131.920.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	**3.483.017.730**	**1.521.963.084**
- Giảm giá hàng bán	2.022.619.047	-
- Hàng bán bị trả lại	1.460.398.683	1.521.963.084
	542.017.039.428	**499.432.257.611**

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	303.089.422.180	299.297.546.586
Giá vốn liên quan đến dự án liên kết thiết bị y tế	111.664.721.257	118.910.762.151
Giá vốn cung cấp dịch vụ	21.423.476.936	12.168.891.067
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.981.922.633)	(24.926.145.848)
	432.195.697.740	**405.451.053.956**

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	442.237.882	337.063.594
Lãi chênh lệch tỷ giá	347.831.127	23.985.370
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	100.139.076
	790.069.009	**461.188.040**

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.049.429.388	4.598.717.428
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	-	750.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	920.966.381	1.652.045.591
Chi phí tài chính khác	8.456.990	52.626.990
	3.978.852.759	**7.053.390.009**

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ, hàng biếu tặng và thưởng từ nhà cung cấp	28.507.289.786	10.405.019.281
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	951.817	333.087.343
Các khoản khác	3.434.247.444	3.972.158.748
	31.942.489.047	**14.710.265.372**

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang	744.005.840	7.411.325.999
Các khoản bị phạt, truy thu	491.535.349	3.423.782.277
Các khoản khác	1.866.740.382	185.044.070
	3.102.281.571	**11.020.152.346**

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	**32.856.704.087**	**79.185.420.794**
- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.676.163.950	55.023.227.301
- Chi phí tiền lương	13.883.333.960	11.378.782.856
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.297.206.177	12.783.410.637
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	**91.952.874.908**	**49.303.450.965**
- Chi phí tiền lương	25.869.259.824	26.883.512.558
- Các khoản chi phí bán hàng khác	66.083.615.084	22.419.938.407

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.499.084.933	-
Chi phí nhân viên	75.769.072.890	60.838.597.233
Chi phí khấu hao tài sản cố định	68.937.174.762	69.283.048.523
Chi phí dự phòng	(305.758.683)	28.448.215.843
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.689.455.324	41.632.278.222
Chi phí khác bằng tiền	10.800.107.507	23.235.146.509
	246.389.136.733	**223.437.286.330**

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	445.806.862
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	582.672.294	1.821.893.304
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**582.672.294**	**2.267.700.166**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	10.663.186.419	(37.409.757.047)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	*2.596.714.450*	*7.870.087.663*
Cộng: Các khoản dự phòng không tính chi phí hợp lý hợp lệ	-	*24.836.414.839*
Trừ: Các khoản hoàn nhập dự phòng đã loại khỏi chi phí hợp lý hợp lệ các năm trước	*(1.305.758.683)*	-
Biến động chênh lệch tạm thời	*1.382.550.529*	*(1.101.730.060)*
Chuyển lỗ	*(14.295.769.727)*	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	2.229.034.310
Lỗ chịu thuế năm hiện hành	(959.077.012)	(8.034.018.915)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	445.806.862

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

34. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận/(Lỗ) kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.516.010.563	(39.457.111.201)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	112.500.171	112.500.171
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	93	(351)

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	4.722.910.796	3.534.155.564
- Trên 1 năm đến 5 năm	7.680.656.261	7.584.369.055
- Trên 5 năm	-	362.209.091
	12.403.567.057	**11.480.733.710**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 24 tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội theo Hợp đồng thuê số 1807/HĐTVP/2016 ngày 8 tháng 7 năm 2016 với giá thuê 132.810.000 đồng/tháng, có thời hạn 06 năm tính từ ngày 08 tháng 7 năm 2016 và Hợp đồng thuê số 24/HĐTVP/2017/ICON4-T24 ngày 18 tháng 3 năm 2017 với giá thuê 35.910.000 đồng/tháng, có thời hạn 05 năm tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2017.

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 7 tòa nhà Đồng Lợi, số 16 tổ 1 đường Láng, Phường Láng Thượng Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội với giá thuê 67.355.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 01 năm tính từ ngày 16 tháng 10 năm 2016 được gia hạn theo Phụ lục số 1.10.2016/7/HĐTN với thời hạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2017 đến ngày 15 tháng 10 năm 2018.

- Tổng số tiền thuê kho của Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS tại Số 200/8 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội với giá thuê 97.625.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê kho được ký với thời hạn 01 năm tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2018.

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 5 cao ốc Central Garden, 328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 104.019.573 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 15 tháng 10 năm 2017.

- Tổng số tiền thuê kho tại 92 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội với giá thuê 31.280.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê kho được ký với thời hạn 17 tháng tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	Công ty liên kết
Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam - CTCP	Công ty liên quan đến nhân viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Phát triển Giải pháp Y tế Việt Nam	Công ty liên quan đến nhân viên quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng	**121.705.000**	**131.920.000**
Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam - CTCP	121.705.000	131.920.000
Mua hàng	**236.400.000**	**-**
Công ty Cổ phần Phát triển Giải pháp Y tế Việt Nam	236.400.000	-

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	4.821.770.000	2.290.005.974

Đào Thị Hoa	**Lê Thị Hà Thanh**	**Ngô Thanh Sơn**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 21 tháng 6 năm 2018